

Bản án số 90/2019/HS-PT
Ngày 20 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.
Các Thẩm phán: Bà Lang Thị Duyên
Ông Nguyễn Hữu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 90/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1993 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Văn B; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H; Họ tên vợ: Nguyễn Thị P; Con: Có 01 con 03 tháng tuổi. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người bị hại anh Nguyễn Minh D và anh Nguyễn Hồng K; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn H1 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 02 và 04 tháng 8 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn T cùng với các bị cáo khác đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

- *Hành vi thứ nhất:* Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 02 tháng 4 năm 2014, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn H1, Phạm Công H2 và Nguyễn Văn T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. H và H1 điều khiển xe máy Yamaha Sirius màu đen đỏ, biển kiểm soát 37 B2 - 390.51 còn H2 và T điều khiển xe máy Yamaha Sirius màu đen đỏ không có biển kiểm soát đi đến ki ốt bán điện tử của anh Nguyễn Minh D tại Số 9, Đường T, thuộc khối T, Phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Quan sát thấy không có người trông coi nên H2, T và Hải đứng ngoài cánh giới còn một mình Hoàn đi lại dùng thanh sắt lò xo mở ổ khóa cửa vào ki ốt lấy trộm một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vio Vpceacw màu đỏ, một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell 3124 màu đen, một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu nâu bạc vỏ nhôm, một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell E6400 màu đen, một chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Achos màu nâu và một chiếc máy tính bảng nhãn hiệu EA màu trắng. Sau khi lấy được tài sản, H2 và T đưa về ốt của H2 cất giấu, sau đó, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các tài sản nêu trên được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Vinh định giá có tổng giá trị 36.500.000 đồng.

- *Hành vi thứ hai:* Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 04 tháng 8 năm 2014, các bị cáo tiếp tục điều khiển xe máy đến ki ốt của anh Nguyễn Hồng K tại Số 91, Đường N, thuộc Khối 12, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tại đây, H2 đã dùng xà beng phá ổ khóa cửa vào trong lấy trộm một chiếc xe máy Yamaha Sirius màu đen đỏ, biển kiểm soát 37 M3 - 8877, một bộ máy tính để bàn màn hình 19 inch nhãn hiệu Sony, một chiếc két sắt loại 80 kg, một chiếc máy ảnh nhãn hiệu Canon 16A màu bạc và một chiếc máy ảnh nhãn hiệu Canon 16A màu đen. Sau khi lấy được tài sản, H2 và T đưa về ốt của H2 cất giấu, sau đó, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các tài sản nêu trên được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Vinh định giá có tổng giá trị 20.000.000 đồng.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn T đã bỏ trốn và đến ngày 11 tháng 9 năm 2018 đã ra cơ quan Công an để đầu thú. Các bị cáo khác đã bị Tòa án nhân dân

thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 120/2015/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2015.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 01 năm 2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Sau khi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, tu chí làm ăn; đã đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội. Quá trình xét xử đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Mặt khác, hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, là trụ cột lao động chính của gia đình. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án 09 tháng tù là nặng so với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T bổ sung kháng cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo; áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, điểm p, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Trong các ngày 02 và ngày 04 tháng 8 năm 2014, lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu tài sản, Nguyễn Văn

T cùng với một số người khác đã có hành vi trộm cắp tài sản có tổng trị giá 56.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện để phục vụ tiêu xài cá nhân, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét các chứng cứ, tình tiết của vụ án; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; căn cứ các quy định của pháp luật để xét xử bị cáo Nguyễn Văn T theo điều khoản và hình phạt như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn T Anh thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo không kháng cáo về tội danh mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo hoặc được cải tạo tại địa phương.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án, bị cáo không phải là người chủ mưu, khởi xướng và cũng không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng là người có vai trò giúp sức, đứng cảnh giới để người khác thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới có công tố giác tội phạm được Công an xã Quỳnh Văn có công văn xác nhận là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cần được xem xét, áp dụng. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì chưa lần nào bị xử phạt vi phạm

về pháp luật; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương là cũng đủ nghiêm. Bị cáo phạm tội vào năm 2014, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 thì cần áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo tại Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo được hưởng án treo nên không chấp nhận chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm; giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, điểm p, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù và cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- VKSND, CA thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi Phú;
- Bị cáo Nguyễn Văn T;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Phồn